

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LA GI  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Thanh Phương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Trịnh Văn Thái và bà Nguyễn Thị Thanh;

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà Mai Thị Thanh - Thư ký Tòa án;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Linh Đan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2023 về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông **Chu Đức N**, sinh năm: 1970 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: **khu phố B, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.**

- *Bị đơn:* bà **Ngô Thị Thu H**, sinh năm: 1968 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: **khu phố B, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn **Chu Đức N** trình bày:* ông và bà **Ngô Thị Thu H** tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận) vào ngày 12/10/1994. Bắt đầu từ năm 2002, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, mặc dù hai gia đình tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Vì con chung, nên ông chưa nộp đơn ly hôn. Ông và bà **H** sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Nay các con đã trưởng thành, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà **Ngô Thị Thu H**.

Về con chung: có 04 con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà **Ngô Thị Thu H** trình bày:* bà theo Công giáo nên không được phép ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có tranh chấp.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi cho rằng:*

- *Về thủ tục tố tụng:* việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- *Về nội dung:* đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông N được ly hôn với bà H; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không giải quyết do đương sự không yêu cầu. Ông N chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Thủ tục tố tụng:

- Ông Chu Đức N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị Thu H. Bà H có nơi cư trú tại phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông Chu Đức N, bà Ngô Thị Thu H đều có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: ông Chu Đức N và bà Ngô Thị Thu H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận) vào ngày 12/10/1994, nên hôn nhân giữa ông N và bà H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông N xác định ông không còn tình cảm với bà H. Đối với bà H đã có bản tự khai, tuy nhiên bà cũng không thể hiện muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, thể hiện “...*quá trình chung sống, vợ chồng ông N, bà H không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống, mỗi người ở một nơi, không thấy hòa hợp ...*”. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông N và bà H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, ông Chu Đức N được ly hôn bà Ngô Thị Thu H.

[2.2] Về con chung: các con chung đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Án phí: ông N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Chu Đức N được ly hôn bà Ngô Thị Thu H.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

3. Về án phí: ông Chu Đức N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0013238 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Ông N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Chu Đức N, bà Ngô Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án này trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- VKSND thị xã La Gi; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thị xã La Gi;

- UBND phường Tân An, La Gi, BT;

- Dương sự;

- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thanh Phương**